

Số: /GP-UBND Sơn La, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 13/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 43/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về thu thập, thành lập tài liệu nguyên thủy trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản; Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 15/3/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với mỏ cát tại bản Khọc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, đơn vị trúng đấu giá là Công ty TNHH SHA Sơn La;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khọc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La của Công ty TNHH SHA Sơn La nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La ngày 08/4/2025 (nộp bổ sung ngày 14/5/2025);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH SHA Sơn La được thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khọc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, với những nội dung sau:

1. Diện tích khu vực được thăm dò: 46,82 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ xác định theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu thấp nhất được phép thăm dò: Đến +82,5 m (chiều sâu thăm dò được thay đổi sao cho không chế hết được hết chiều dày thân cát).

3. Thời hạn thăm dò: 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản có hiệu lực thi hành.

4. Khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản của UBND tỉnh Sơn La thẩm định và thông qua.

5. Chi phí thăm dò: 711.582.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm mười một triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng chẵn), bằng nguồn vốn của Công ty TNHH SHA Sơn La (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH SHA Sơn La có trách nhiệm

1.1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

1.2. Lựa chọn tổ chức có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để tiến

hành thi công công tác thăm dò. Thực hiện thăm dò mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và Đề án thăm dò đã được Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản của UBND tỉnh Sơn La họp, thông qua và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

1.3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La hoặc đơn vị được Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La ủy quyền trong quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của Đề án.

1.4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản cát tại mỏ. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

1.5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

1.6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

1.7. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng đất, bảo vệ môi trường,... chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động kiểm tra, rà soát nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình trình cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Công ty TNHH SHA Sơn La chỉ được phép thực hiện các hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, sau khi đã thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Các Sở: NN&MT, XD, TC, CT;
- UBND huyện Bắc Yên;
- Công ty TNHH SHA Sơn La;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Phụ lục số 01

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò số /GP-UBND
ngày tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La)*

Tên mỏ	Địa điểm	Số hiệu điểm góc	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104° 00'; múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
			X (m)	Y (m)	
Mỏ cát bản Khọc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chìm Vàn, huyện Bắc Yên	Xã Mường Khoa và xã Chìm Vàn, huyện Bắc Yên	1	2348571	530829	46,82
		2	2348270	531275	
		3	2348114	531777	
		4	2348040	532182	
		5	2347672	532115	
		6	2348073	530993	
		7	2348371	530681	